|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Ghi nhận thông tin thanh toán | Mã số: UCCN-3 |
| Tham chiếu: [UCNV-7] [HTUCNV-7] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi khách hang đã thực hiện thanh toán đúng theo thời gian hợp đồng thỏa thuận hoặc không trễ quá (10 ngày làm việc) trước ngày khởi hành | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng Ghi nhận thanh toán 2. Nhân viên nhập thông tin thanh toán 3. Nhân viên nhấn nút ghi nhận thông tin thanh toán | |
| Dòng thay thế |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Kiểm tra thanh toán tiền đặt cọc | Mã số: UCCN-4 |
| Tham chiếu: [UCNV-7] [HTUCNV-7] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên có nhu cầu kiểm tra xem tiền đặt cọc đã được khách hàng chuyển đến hay chưa? | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng Kiểm tra thanh toán tiền đặt cọc 2. Nhân viên nhập thông tin khách hàng muốn kiểm tra thanh toán tiền đặt cọc 3. Kết quả trả về khách hàng đã thanh toán tiền đặt cọc | |
| Dòng thay thế | Nếu kết quả trả về khách hàng chưa thanh toán tiền đặt cọc thì nhân viên liên lạc lại với khách hàng để thông báo về việc thanh toán tiền đặt cọc | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Xem thông tin đăng ký | Mã số: UCCN-5 |
| Tham chiếu: [UCNV-3] [HTUCNV-3] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên có nhu cầu xem thông tin đăng ký tour của khách hàng | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng Xem thông tin đăng ký  2. Ứng dụng liệt kê những đăng ký gần đây nhất  3. Nhân viên chọn dòng đăng ký cần xem | |
| Dòng thay thế |  | |